

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HN-ST

Ngày: 24/10/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXX-ST ngày 19/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST – HNGĐ ngày 19/9/2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 08/2019/TB-TA ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1988. Cư trú: Kp 1, thị trấn T 11, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

* *Bị đơn:* Anh Quách Trường G, sinh năm: 1989. Cư trú: Ấp CG, xã ĐHB, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh G chung sống với nhau từ năm 2017. Trước khi chung sống thì cả 02 quen nhau trước khoảng vài năm thì về chung sống, không có tổ chức đám cưới do hai bên gia đình không đồng ý. Nhưng cả hai tự nguyện đến với nhau và có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn đã được UBND xã Đông Hưng B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống riêng tại khu phố 1, thị trấn Thứ 11 cho đến tháng 01/2019 vợ chồng không còn chung sống cùng nhau nữa.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G ham chơi, không lo làm ăn cũng không lo cho vợ con, chị đã nhiều lần khuyên anh G nhưng anh vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cự cãi và có khi đánh nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị quyết định không chung sống cùng anh G và đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh G có tới lui để thăm con nhưng mỗi lần qua thăm con thì anh G đều say rượu.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung cháu Quách Khả V, sinh ngày 07/4/2018. Cháu đang chung sống cùng tôi từ khi tôi và anh G ly thân đến nay.

- *Về tài sản chung*: Không có tranh chấp.

- *Về nợ chung*: Không có tranh chấp.

Chị yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Quách Trường G.

- *Về quan hệ con chung*: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Khả V và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 01 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng 03 tháng 01 lần.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án anh Quách Trường G trình bày và yêu cầu như sau*: Qua lời trình bày của chị T về ngày vợ chồng chung sống, cưới đăng ký kết hôn, có 01 con chung hiện nay đang chung sống cùng chị T, tài sản chung và nợ chung không tranh chấp; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là đúng sự thật. Nay, xét thấy còn rất thương vợ con, anh G hứa sẽ sửa đổi và lo làm ăn để lo cho vợ và con nên không đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị T.

Nếu chị T cương quyết ly hôn thì ý kiến anh như sau:

- *Về con chung*: Đồng ý giao cháu Khả Vy cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 01 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng là 03 tháng 01 lần như yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* **Tại phiên tòa**:

- *Chị T yêu cầu*: Được ly hôn với anh Quách Trường G; yêu cầu nuôi cháu Khả Vy và xin rút lại 01 phần khởi kiện về việc yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Anh G*: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp

luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn chị T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn anh G vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị T ly hôn với anh G; Về con: Giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, đình chỉ phần chị T yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Quách Trường G là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị T khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn anh G đang cư trú và sinh sống tại ấp Cán Gáo, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã triệu tập anh Giang tham gia phiên tòa lần hai nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh G không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh G chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn UBND xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/7/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh G, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án giữa anh chị xác nhận sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung

sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh G ham chơi không lo làm ăn, vợ chồng chung sống không cùng quan điểm. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị T cương quyết ly hôn với anh G.

Mặc khác, anh chị đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay nhưng anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T được ly hôn với anh G.

[3] *Về quan hệ con chung*: Trong buổi hòa giải ngày 19/6/2019, chị T và anh G xác định, trong thời gian anh chị chung sống có 01 con chung là cháu Quách Khả V, sinh ngày 07/4/2018, cháu chung sống cùng chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và anh G cũng đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng nếu chị T cương quyết ly hôn. Do đó, HĐXX xét thấy việc tiếp tục giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tiếp tục giao cháu V cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa chị T xin rút lại yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con, HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện không ai ép buộc và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh G xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc nguyên đơn chị Đỗ Thị T chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Quách Trường G.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Quách Khả V, sinh ngày 07/4/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về cấp dưỡng*: Đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với anh G. Khi cần thiết, chị T có quyền yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Đỗ Thị T chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006297 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị T không phải nộp thêm.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/10/2019).

Riêng anh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Đông Hưng B.
- Lưu HS, VP.

Trịnh Thị Cẩm Linh